TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 358/2025/DS - ST

Ngày 30 - 09 - 2025

V/v: "Tranh chấp hợp đồng thuê xe máy"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lương Thị Anh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Sơn**.

Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Ngọc Thảo Nguyên -** Thư ký Tòa án nhân khu vực 2 - thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Ngọc Thùy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 35/2025/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng thuê xe máy*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2025/QĐST-HPT ngày 13 tháng 09 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH T1 – Địa chỉ trụ sở: Số A P, phường T, TP ., Thừa Thiên H. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu S, chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Song T, chức vụ: Trưởng phòng phát triển kinh doanh khu vực Đà Nẵng và Quảng Nam (theo Văn bản ủy quyền số 02/2025/UQ-GĐ ngày 10/3/2025 của Giám đốc), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh H1 – sinh năm: 1982. Địa chỉ: Tổ F, phường M, quận N (nay là: phường N), TP.Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và ý kiến trong quá trình tố tụng tại Tòa án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Công ty TNHH T1 (sau đây gọi là "Công ty") và ông Nguyễn Thanh H1 có ký kết các hợp đồng như sau:

Vào khoảng tháng 01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe số 14/2024/HĐMB-ĐN-TL về việc ông H1 bán cho Công ty *xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66* với giá 22.000.000 đồng. Sau đó, do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe. Vào ngày 16/01/2024, Công ty và ông H1 lập Hợp đồng thuê xe máy số 14/2024/HĐTX-(Đà Nẵng)-TL, ông H1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê xe với số tiền 2.387.000 đồng/tháng, bắt đầu tính từ 16/01/2024. Ông H1 đã thanh toán tiền thuê từ ngày 16/01/2024 đến hết ngày 15/02/2024, nợ tiền thuê xe từ ngày 16/02/2024 cho đến nay và cũng không trả xe cho Công ty.

Vào khoảng tháng 01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe số 01/2024/HĐMB-ĐN-TL về việc ông H1 bán cho Công ty *xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01* với giá 8.000.000 đồng. Do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe. Vào ngày 05/01/2024, Công ty và ông H1 lập Hợp đồng thuê chính xe máy này. Ông H1 có trách nhiệm thanh toán tiền thuê xe và đã thanh toán tiền thuê từ ngày 05/01/2024 đến hết ngày 04/02/2024, nợ tiền thuê xe từ ngày 05/02/2024 cho đến nay và cũng không trả xe cho Công ty.

Vào khoảng tháng 01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe số 04/2024/HĐMB-ĐN-TL về việc ông H1 bán cho Công ty *xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85* với giá 6.000.000 đồng. Do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe này. Vào ngày 09/01/2024, Công ty và ông H1 lập Hợp đồng thuê xe máy, ông H1 có trách nhiệm thanh toán

tiền thuê xe với số tiền 720.000 đồng/tháng, bắt đầu tính từ 09/01/2024. Ông H1 đã thanh toán tiền thuê từ ngày 09/01/2024 đến hết ngày 08/02/2024, nợ tiền thuê xe từ ngày 09/02/2024 cho đến nay và cũng không trả xe cho Công ty.

Sau khi thực hiện việc mua bán các xe nêu trên, Công ty và ông H1 chưa thực hiện thủ tục sang tên.

- Tại các Hợp đồng thuê xe: "Trường hợp bên B chậm thanh toán tiền thuê xe theo thời hạn các bên đã thỏa thuận, Bên B phải chịu phạt vi phạm với mức phạt 1.2%/ngày/giá trị Hợp đồng bị vi phạm, nhưng tối đa không quá 30 ngày. Quá thời hạn này, tùy theo quyết định của mình, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn và yêu cầu bên B bồi thường mọi thiệt hại phát sinh (nếu có)". Việc ông H1 không thanh toán tiền thuê xe và không hợp tác hoàn trả xe thuê đã gây ra thiệt hại cho Công ty. Do đó, Công ty đề nghị Tòa án:

- Buộc ông H1 phải thanh toán một lần toàn bộ các khoản nợ tính đến 30/9/2025 gồm: Tiền thuê 03 xe là: 51.246.000 đồng và tiền bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm là 29.050.680 đồng.

- Buộc ông H1 phải trả cho công ty các xe đã thuê nêu trên.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1: Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được tống đạt, niêm yết hợp lệ nhưng ông H1 không đến Tòa án làm việc và không có văn bản thể hiện nội dung trình bày quan điểm cá nhân.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến thời điểm này, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 BLTTDS; Điều 161, 223, 238, 418, 430, 472, 474, 476, 482 BLDS; đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền phạt, bồi thường thiệt hại các hợp đồng thuê xe tính đến 30/9/2025 là: 29.050.680 đồng;

- Buộc ông H1 phải trả lại cho Công ty TNHH T1 xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01, xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 và xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc buộc ông Nguyễn Thanh H1 thanh toán tiền thuê xe theo Hợp đồng thuê ngày 05/01/2024 tính từ ngày 04/02/2024, Hợp đồng thuê xe ngày 09/01/2024 tính từ ngày 08/02/2024 và Hợp đồng thuê xe ngày 16/01/2024 tính từ ngày 16/02/2024 cho đến ngày 30/9/2025 là 51.246.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp Hợp đồng thuê xe thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Thanh H1 (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt .

- Ngày 19 tháng 3 năm 2025, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 đối với ông Nguyễn Thanh H1 về tranh chấp "Hợp đồng thuê xe" theo 03 đơn khởi kiện gồm số thụ lý 35, 36, 37 cùng ngày 19/3/2025. Tuy nhiên quá trình giải quyết nhận thấy tính chất, nội dung khởi kiện không khác nhau và cùng nguyên đơn và bị đơn nên ngày 9/7/2025 tòa án ra Quyết định nhập

số 01/QĐ -TA ngày 9/7/2025 để nhập 03 vụ án này vào một vụ để giải quyết thuận lợi cho các bên đương sự và triệt để vụ án là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án:

Công ty TNHH T1 (sau đây gọi là "Công ty") và ông Nguyễn Thanh H1 có ký kết các hợp đồng như sau:

-Vào ngày 05/01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe số 01/2024/HĐMB-ĐN-T52 về việc ông H1 bán cho Công ty xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01 đứng tên ông H1 với giá 8.000.000 đồng. Do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe. Vào cùng ngày 05/01/2024, Công ty V ông H1 lập Hợp đồng thuê xe máy BKS 43AA-517.01 nêu trên, thời hạn thuê kể từ ngày 05/01/2024 đến hết ngày 04/02/2024; giá thuê: 960.000 đồng/tháng. Thực hiện hợp đồng thuê xe, ông H1 đã thanh toán tiền thuê theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng và được bàn giao xe để sử dụng. Sau đó, ông H1 vẫn tiếp tục sử dụng xe, không trả lại xe cho Công ty và cũng không thanh toán tiền thuê xe cho thời gian tiếp theo đến nay.

-Vào ngày 08/01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe số 04/2024/HĐMB-ĐN-T52 về việc ông H1 bán cho Công ty xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 đứng tên ông H1 với giá 6.000.000 đồng. Do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe. Vào ngày 09/01/2024, Công ty và ông H1 lập Hợp đồng thuê xe máy BKS 43C1-112.85 nêu trên, thời hạn thuê kể từ ngày 08/01/2024 đến hết ngày 07/02/2024; giá thuê: 720.000 đồng/tháng. Thực hiện hợp đồng thuê xe, ông H1 đã thanh toán tiền thuê theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng và được bàn giao xe để sử dụng. Sau đó, ông H1 vẫn tiếp tục sử dụng xe, không trả lại xe cho Công ty và cũng không thanh toán tiền thuê xe cho thời gian tiếp theo đến nay.

-Vào ngày 15/01/2024, ông H1 và Công ty lập Hợp đồng mua bán xe máy số 14/2024/HĐMB-111NTT-TL về việc ông H1 bán cho Công ty xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66 đứng tên ông H1 với giá 22.000.000 đồng. Sau đó, do không có phương tiện đi lại, ông H1 liên hệ với Công ty để được thuê xe trên. Vào ngày 16/01/2024, Công ty và ông H1 lập Hợp đồng thuê xe máy số

14/2024/HĐTX-(Đà Nẵng)-TL với nội dung thuê xe BKS 43H1-280.66; thời hạn thuê kể từ ngày 16/01/2024 đến hết ngày 14/02/2024; thời hạn thuê sẽ được tự động gia hạn tương ứng với thời gian mà bên thuê trả tiền thuê (nếu hết thời hạn thuê quy định tại Khoản 1 Điều này mà bên thuê trả tiếp tiền thuê thì thời hạn thuê sẽ được tự động gia hạn tương ứng với thời gian tiền thuê đã thanh toán tiếp); giá thuê: 2.387.000 đồng. Thực hiện hợp đồng thuê xe, ông H1 đã thanh toán tiền thuê theo thời hạn thỏa thuận tại hợp đồng và được bàn giao xe để sử dụng. Sau đó, ông H1 vẫn tiếp tục sử dụng xe, không trả lại xe cho Công ty và cũng không thanh toán tiền thuê xe cho thời gian tiếp theo đến nay.

Nay Công ty TNHH T1 đề nghị Tòa án:

- Buộc ông H1 phải thanh toán một lần toàn bộ các khoản nợ tiền thuê xe tính đến ngày 30/9/2025 là 51.246.000 đồng.

- Thanh toán tiền bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm tính đến ngày 30/9/2025 cụ thể

+ Đối với Hợp đồng thuê xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01 ký ngày 05/01/2024: tính từ ngày 05/02/2024 đến ngày 30/9/2025 là 1.2% * 604 ngày * 960.000 đồng = 6.958.080 đồng;

+ Đối với Hợp đồng thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 ký ngày 08/01/2024: tính từ ngày 08/02/2024 (ngày vi phạm) đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử): 1.2% * 601 ngày * 720.000 đồng = 5.192.640 đồng;

+ Đối với Hợp đồng thuê xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66 ký ngày 16/01/2024: tính từ ngày 17/02/2024 (ngày vi phạm) đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử): 1.2% * 590 ngày * 2.387.000 đồng = 16.899.960 đồng;

Tổng số tiền phạt vi phạm ông H1 phải chịu tính đến ngày 30/9/2025 là: 29.050.680 đồng.

- Buộc ông H1 phải trả cho công ty C xe đã thuê nêu trên.

[2.1] Xét tính hợp pháp của hợp đồng: các Hợp đồng mua bán xe số 01/2024/HĐMB-ĐN-T52 ngày 05/01/2024, Hợp đồng mua bán xe số 04/2024/HĐMB-ĐN-T52 ngày 08/01/2024 và Hợp đồng mua bán xe máy số 14/2024/HĐMB-111NTT-TL ngày 15/01/2024 giữa ông Nguyễn Thanh H1 và

Công ty TNHH T1 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên thỏa thuận bàn giao xe vào ngày ký kết hợp đồng và quyền sở hữu được chuyển từ bên bán sang bên mua theo quy định pháp luật hiện hành. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 161 BLDS, thời điểm xác lập quyền sở hữu đối với tài sản là thời điểm tài sản được chuyển giao. Mặt khác, sau khi ký kết hợp đồng mua bán xe, các bên tiếp tục lập hợp đồng thuê lại xe đã bán. Như vậy, mặc dù ông H1 và Công ty C1 thực hiện các thủ tục sang tên xe nhưng trên thực tế việc mua bán xe đã hoàn thành. Do đó, các giao dịch mua bán xe giữa ông H1 và Công ty có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền, nghĩa vụ ràng buộc với các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Ngay sau khi ông H1 ký kết 03 hợp đồng bán các xe máy hiệu Kymco 43AA-517.01; xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85; xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66 cho Công ty TNHH T1 nêu trên (ngày 05/01/2024, 09/01/2024, 16/01/2024), các bên tiếp tục thực hiện ký kết các Hợp đồng cho ông H1 thuê lại chính các xe máy này được thể hiện bằng các hợp đồng thuê xe nêu trên, thời hạn thuê 01 tháng cho mỗi xe, kể từ ngày ký kết ông H1 đã thanh toán tiền thuê xe cho thời hạn thuê đã thỏa thuận tại hợp đồng (01 tháng) và được Công ty bàn giao xe sử dụng cho đến nay. Do đó, các giao dịch thuê xe giữa ông H1 và Công ty có hiệu lực pháp luật.

Đối với yêu cầu trả tiền thuê xe của 03 Hợp đồng thuê xe (xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517; xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 và xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66) với tổng số tiền là 51.246.000 đồng thì thấy: Tại Khoản 2 Điều 2 Hợp đồng thuê xe ngày 16/01/2024 (xe mô tô BKS 43H1-280.66), thể hiện các bên thỏa thuận " *..để làm rõ nếu hết thời hạn thuê quy định tại Khoản 1 Điều này mà bên thuê trả tiếp tiền thuê thì thời hạn thuê sẽ được tự động gia hạn tương ứng với thời gian tiền thuê đã thanh toán tiếp*". Đồng thời, tại cả 03 Hợp đồng thuê xe, các bên thỏa thuận tại Khoản 3 Điều 7: "*Nếu hai bên muốn tiếp tục thuê xe thì sẽ cùng nhau ký tiếp hợp đồng mới hoặc ký phụ lục gia hạn hợp đồng*". Tại phiên tòa nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ thể hiện khi hết hạn ông H1 đã thanh toán tiếp số tiền thuê xe

cho thời gian thuê tiếp theo và không cung cấp được hợp đồng ký kết tiếp theo cũng như phụ lục hợp đồng gia hạn nên không có căn cứ xác định các hợp đồng nêu trên được tự động gia hạn để được tiếp tục thuê và được tính tiền thuê cho đến ngày xét xử như nguyên đơn trình bày là không có cơ sở. Do vậy, yêu cầu buộc ông H1 thanh toán tiền thuê xe theo Hợp đồng thuê ngày 05/01/2024 tính từ ngày 04/02/2024, Hợp đồng thuê xe ngày 09/01/2024 tính từ ngày 08/02/2024 và Hợp đồng thuê xe ngày 16/01/2024 tính từ ngày 16/02/2024 cho đến ngày 30/9/2025 với tổng số tiền 51.246.000 đồng là không được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng do ông H1 vi phạm hợp đồng thuê xe, không trả lại xe cho Công ty khi hết thời hạn thuê với mức phạt 1.2%/ngày/giá trị hợp đồng bị vi phạm như các bên đã thỏa thuận tại Khoản 1 Điều 5 của các hợp đồng thuê là phù hợp với Điều 418 BLDS, có căn cứ được chấp nhận. Cụ thể:

+ Đối với Hợp đồng thuê xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01 ký ngày 05/01/2024: tính từ ngày 05/02/2024 đến ngày 30/9/2025 là 1.2% * 604 ngày * 960.000 đồng = 6.958.080 đồng;

+ Đối với Hợp đồng thuê xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 ký ngày 08/01/2024: tính từ ngày 08/02/2024 (ngày vi phạm) đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử): 1.2% * 601 ngày * 720.000 đồng = 5.192.640 đồng;

+ Đối với Hợp đồng thuê xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66 ký ngày 16/01/2024: tính từ ngày 17/02/2024 (ngày vi phạm) đến ngày 30/9/2025 (ngày xét xử): 1.2% * 590 ngày * 2.387.000 đồng = 16.899.960 đồng. Tổng số tiền bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng ông H1 phải chịu tính đến ngày 30/9/2025 là: 29.050.680 đồng. Ông H1 phải có trách nhiệm trả số tiền này.

- Đối với yêu cầu trả 03 lại xe, như đã phân tích ở trên, Công ty TNHH T1 đã được chuyển giao và xác lập quyền sở hữu đối với xe máy hiệu Kymco BKS 43AA-517.01, xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 và xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66 thông qua các hợp đồng mua bán xe với ông H1. Theo thỏa thuận tại các Hợp đồng thuê xe, bên cho thuê có quyền yêu cầu bên thuê trả lại xe khi thời hạn thuê đã hết (Khoản 2 Điều 4) và bên thuê có

nghĩa vụ trả lại tài sản thuê đúng thời hạn, phương thức đã thỏa thuận (Khoản 1 Điều 5). Tại hồ sơ vụ án cho thấy các xe này hiện nay do bị đơn quản lý, sử dụng nhưng không mang xe đến để Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định. Tuy nhiên, việc bị đơn không mang xe đến trình diện không làm loại trừ các nghĩa vụ mà bị đơn phải thực hiện theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết. Do các hợp đồng thuê xe sau khi hết hạn thuê ông H1 không thanh toán tiếp trước tiền thuê xe cho thời gian thuê tiếp theo và các bên cũng không có ký kết thỏa thuận hay phụ lục nào về việc tiếp tục thuê các xe nêu trên. Nhận thấy hợp đồng thuê các xe nêu trên đã chấm dứt khi hết hạn thuê là đương nhiên, nên yêu cầu ông Nguyễn Thanh H1 phải trả lại các xe nêu trên cho Công ty TNHH T1 là phù hợp, cần được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 1.452.534 đồng.

Công ty TNHH T1 phải chịu án phí phần không được chấp nhận (tiền thuê xe) là 2.562.300 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, nay là Thi hành án thành phố Đà Nẵng là 2.161.658 đồng, tại các biên lai thu số 0003645; biên lai 0003646 và biên lai 0003647 cùng ngày 10/3/2025. Công ty TNHH T1 còn phải nộp thêm số tiền là 401.000 đồng.

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu, ông H1 phải hoàn lại số tiền này cho Công ty TNHH T1 do đã chi ứng cho Tòa án thực hiện xong.

[4] Đối với ý kiến về đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào chứng cứ do Nguyên đơn cung cấp, căn cứ vào quy định tại: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228 BLTTDS; Điều 161, 223, 238, 418, 430, 472, 474, 476, 482 BLDS;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 đối với ông Nguyễn Thanh H1.

Buộc ông Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm các hợp đồng thuê xe tính đến 30/9/2025 là: 29.050.680 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Thanh H1 phải trả lại cho Công ty TNHH T1 các xe máy: xe hiệu Kymco BKS 43AA-517.01; xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 43C1-112.85 và xe mô tô hiệu Honda SH mode BKS 43H1-280.66.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 về việc buộc ông Nguyễn Thanh H1 thanh toán tiền thuê xe của các Hợp đồng thuê ngày 05/01/2024 tính từ ngày 04/02/2024, Hợp đồng thuê xe ngày 09/01/2024 tính từ ngày 08/02/2024 và Hợp đồng thuê xe ngày 16/01/2024 tính từ ngày 16/02/2024 cho đến ngày 30/9/2025 với tổng số tiền 51.246.000 đồng.

3. Án phí DS - ST: Bị đơn ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu 1.452.534 đồng.

Công ty TNHH T1 phải chịu án phí phần không được chấp nhận (tiền thuê xe) là 2.562.300 đồng, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, nay là Thi hành án thành phố Đà Nẵng là 2.161.658 đồng, tại các biên lai thu số 0003645; biên lai 0003646 và biên lai 0003647 cùng ngày 10/3/2025. Công ty TNHH T1 còn phải nộp thêm số tiền là 401.000 đồng.

Tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu, ông H1 phải hoàn lại số tiền này cho Công ty TNHH T1 (đã nộp trước đây và chi ứng xong).

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do

chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Đương sự;
- VKSND quận khu vực 2- Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự TPĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký

Lương Thị Anh